

Bản án số: 178/2026/DS-PT

Ngày: 12-3-2026

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương

Bà Phan Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 03 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 454/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm V, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số F, đường C, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Và ông Tạ Ngọc A, sinh năm 1950 (chết ngày 04/7/2022).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Ngọc A, sinh năm 1950 (chết ngày 04/7/2022):*

1.1. Bà Lâm V, sinh năm 1949.

Địa chỉ: F, đường C tháng tám, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Ông Tạ Ngọc B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: F, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Ông Tạ Ngọc V1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 3, tổ I, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Nai.

1.4. Bà Tạ Kim A1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: F, xóm D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là 667, xóm D, xã L, tỉnh Lâm Đồng).

1.5. Bà Tạ Kim Y, sinh năm 1970.

Địa chỉ: K, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai.

1.6. Bà Tạ Hương T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: A, tổ A, khu phố S, phường T, tỉnh Đồng Nai.

1.7. Ông Tạ Phong T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu A, T, xã B, huyện V (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

1.8. Ông Tạ Minh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: F, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1957.

Địa chỉ: F B, đường C, khu phố P, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số B đường N, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương U, Luật sư Nguyễn Văn T2 – Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

(Bà V, bà T, bà Đ, bà U, ông T2 có mặt)

Người kháng cáo: Bà Dương Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Lâm V trình bày:*

Bà Lâm V là con của ông Lâm P (mất năm 1960) và bà Quế H1 (mất năm 1993). Năm 1992 bà Quế H1, bà Lâm Văn L thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà Lê Kiều L1 thửa đất ngang 04m, dài 17,5m có lập văn bản tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Bà Lê Kiều L1 đã đi kê khai và lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có diện tích 70m².

Sau đó bà Lê Kiều L1 chuyển nhượng lại cho bà Dương Thị Đ, bà Đ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp đổi sang tên ngày 01/11/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có diện tích 70m².

Ngày 07/7/2001, bà Lâm V được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 24, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai diện tích 143,20m². Tháng 12 năm 2015 bà Dương Thị Đ yêu cầu bà Lâm Văn K giáp ranh để xác định ranh giới làm thủ tục cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Lâm Văn T3 diện tích đất của bà Dương Thị Đ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 93,5m² lớn hơn diện tích bà Lâm V đã chuyển nhượng cho bà Dương Thị Đ là 23,5m².

Bà Lâm V, ông Tạ Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Đ trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 23,5m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Ngọc A, sinh năm 1950 (chết ngày 04/7/2022):* Bà Lâm V, bà Tạ Hương T, ông Tạ Ngọc B, ông Tạ Minh H, bà Tạ Kim Y, ông Tạ Ngọc V1, ông Tạ Phong T1, bà Tạ Kim A1 trình bày:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm V, yêu cầu buộc bà Dương Thị Đ trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 23,5m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị Đ trong quá trình tố tụng trình bày:*

Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, phường Q, thành phố B, (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) là của bà Q Huê mẹ của nguyên đơn bà Lâm V. Ngày 14/01/1992 bà Quê H1 cùng 02 con là Lâm V, Lâm Thành T4 chuyển nhượng cho bà Lê Kiều L1 phần đất có diện tích 70m² (ngang 04m x dài 17m50), với giá 40 chỉ vàng, biên bản giao nhận được Ủy ban nhân dân phường Q chứng thực chữ ký. Bà L1 đã giao tiền và bà H1 đã giao đất cho bà L1. Quá trình quản lý sử dụng đất bà Kiều L1 đã đi đăng ký kê khai và lập thủ tục xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích 70m². Ngày 27/6/2001, bà L1 chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị Đ, ngày 01/11/2001 bà Đ được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích 70m². Bà đã làm nhà từ năm 2001 có sự đồng ý của các hộ liền kề, không tranh chấp. Vì nơi bà đang ở nằm trong diện quy hoạch cảnh quan bờ sông nên không giải quyết cấp đổi sổ.

Đến năm 2014 biết được tin nhà nước xóa quy hoạch, bà Đ đã làm đơn xin cấp sổ hồng và nhờ anh B hộ liền kề xác nhận dùm, bà Lâm V không đồng ý vì nghĩ thửa đất bà Dương Thị Đ đang ở có diện tích là 93m² lớn hơn khi chuyển nhượng nên làm đơn khởi kiện bà Dương Thị Đ đến Ủy ban nhân dân phường Q, cán bộ phường xuống nhà bà Dương Thị Đ đo từ góc nhà bếp ra đến công nhà là 80,75m² chưa trừ lộ giới.

Bà Lâm V và bà Dương Thị Đ đã được hòa giải hai lần tại Ủy ban nhân dân phường Q (nay là phường T) nhưng không thành. Bà Lâm V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Đ trả lại phần diện tích đã lấn chiếm

23,5m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) thì bà Dương Thị Đ không đồng ý.

Tại Bản án số: 454/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai đã căn cứ Điều 256, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm V về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với bà Dương Thị Đ.

Buộc bà Dương Thị Đ thanh toán lại phần giá trị diện tích đất 14,0 m² được giới hạn bởi các mốc (1, 2, 8, 9, 1) thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) cho bà Lâm V số tiền 1.187.200.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm đồng) ($14,0 \text{ m}^2 \times 84.800.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.187.200.000 \text{ đồng}$).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Dương Thị Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Năm 1992, bà Quế H1 chuyển nhượng đất cho bà L1 70m², năm 2001 bà L1 chuyển nhượng đất cho bà Đ, bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xây nhà kiên cố định và quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2001 cho đến nay. Qua đo vẽ hiện trạng thửa đất không thể hiện bà Đ lấn đất, bà V xác định việc chuyển nhượng, bàn giao đất, mốc giới do mẹ bà là bà Quế H1 thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án:

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Quế H1 (mẹ bà Lâm V). Vào ngày 14/01/1992 giữa bà H1 cùng 02 con là Lâm V, Lâm Thành

T4 và bà Lê Kiều L1 có lập biên bản giao nhận tiền có nội dung bà H1 nhượng lại cho bà L1 phần đất có diện tích $70m^2$ (ngang 04m x dài 17m50), với giá 40 chỉ vàng. Quá trình quản lý sử dụng đất bà Kiều L1 đã đi đăng ký kê khai và lập thủ tục xin cấp chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích $70m^2$. Sau đó bà Lê Kiều L1 chuyển nhượng lại cho bà Dương Thị Đ, bà Đ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp đổi sang tên ngày 01/11/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích $70m^2$.

Căn cứ trích lục đo vẽ hiện trạng thửa đất và bản đồ địa chính số 13072/2016 ngày 31/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thể hiện thửa đất số 18 do bà Đ quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sự chồng lấn sang thửa đất số 17 của bà Lâm V và ông A. Quá trình quản lý sử dụng đất của bà L1 ổn định, xây nhà kiên cố không tranh chấp, đến ngày 27/6/2009 chuyển nhượng lại cho bà Đ diện tích đất $70m^2$ (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã cấp cho bà L1). Bà Đ vẫn sử dụng các ranh mốc và diện tích đất $70m^2$ như khi bà L1 chuyển nhượng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị Đ làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả giá trị quyền sử dụng đất $23,5m^2$ cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[3] Về nguồn gốc: Thửa đất số 17 và 18, tờ bản đồ số 24, phường Q, thành phố B, (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) là của bà Q Huê mẹ của nguyên đơn bà Lâm V. Ngày 14/01/1992 bà Quế H1 cùng 02 con là Lâm V, Lâm Thành T4 chuyển nhượng cho bà Lê Kiều L1 phần đất có diện tích $70m^2$ (ngang 04m x dài 17m50), với giá 40 chỉ vàng, biên bản giao nhận được Ủy ban nhân dân phường Q chứng thực chữ ký. Thực hiện thỏa thuận mua bán thì bà L1 đã giao tiền và bà H1 đã giao đất cho bà L1. Quá trình quản lý sử dụng đất bà Kiều L1 đã đi đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/3/2001 thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích $70m^2$. Ngày 27/6/2001, bà

L1 chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị Đ, ngày 01/11/2001 bà Đ được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24 tại phường Q, thành phố B (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai có diện tích 70m².

Nhận thấy, tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà V xác định sự việc phát sinh tranh chấp chỉ từ tháng 12 năm 2015 khi bà Đ cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy phần đất bà Đ kê khai 93,5m² lớn hơn diện tích đất bà H1 chuyển nhượng cho bà L1 là 23,5m² nên bà V cho rằng bà Đ đã lấn chiếm đất. Theo trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất và bản đồ địa chính số:13072/2016 ngày 31/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ thể hiện, thửa đất số 17 do bà V quản lý sử dụng có diện tích là 143,2m²; thửa đất số 18 do bà Đ quản lý sử dụng có mặt tiền thửa đất có chiều ngang là 3.85m (phù hợp với biên bản giao nhận tiền ngày 11/04/1992 được ký giữa bà H1 với bà L1 có mặt tiền thửa đất là 04 m). Đồng thời bản vẽ thể hiện hiện trạng quản lý sử dụng thửa đất 18 của bà Đ không có sự chùng lấn sang thửa đất số 17 của bà Lâm V và ông A.

Xét thấy, sau khi nhận chuyển nhượng từ bà L1, bà Đ đã quản lý, sử dụng công khai và xây nhà kiên cố từ năm 2001 nhưng phía bà V không phản đối. Theo bà V thì phần diện tích đất 23,5m² là của bà, tuy nhiên từ năm 1992 cho đến nay bà V không đăng ký kê khai, cũng không trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất trên. Thửa đất số 17 của bà V đang sử dụng đủ diện tích đất không bị thiếu. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà V xác nhận khi bàn giao đất cho bà L1 do mẹ bà là bà H1 thực hiện, bà sinh sống ở xa không biết ranh mốc cụ thể khi bàn giao đất, đây là tình tiết mới; điều đó thể hiện khi chuyển nhượng đất các bên không đo đạc thực tế mà chuyển nhượng nguyên thửa đất. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy chuyển nhượng đất mà không căn cứ vào các chứng cứ tài liệu khác để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chi phí tố tụng nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng số tiền là 17.617.257 đồng; nguyên đơn bà V đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí cũng cần xác định lại, cụ thể bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí cho bà V; hoàn trả cho bà Lâm V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 008924 ngày 26/7/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đồng Nai).

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Đ được chấp nhận, bà Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không xử lý tạm ứng án phí.

[7] Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Đ.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 454/2025/DS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 256; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 50; khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm V và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Ngọc A là bà Lâm V, ông Tạ Ngọc B, ông Tạ Ngọc V1, bà Tạ Kim A1, bà Tạ Kim Y, bà Tạ Hương T, ông Tạ Phong T1, ông Tạ Minh H về việc yêu cầu bà Dương Thị Đ phải trả lại 23,5m² đất, thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 24, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp đổi quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về chi phí tố tụng: Bà bà Lâm Văn P1 chịu chi phí tố tụng số tiền 17.617.257 đồng, bà V đã nộp xong.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm V; hoàn trả cho bà Lâm Văn T5 tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền là 2.500.000 đồng theo biên lai số 008924 ngày 26/7/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đồng Nai); bà Dương Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Khu vực 1 -ĐN;
- Phòng THADS Khu vực 1- ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

